

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 20/2023/HS-PT

Ngày 14-7-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Minh Quán.

Các Thẩm phán: Ông Bùi Văn Khanh và ông Phạm Ngọc Toàn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Vũ Hải Đăng – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Khánh Vân - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 10/7/2023 và 14/7/2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 13/2023/TLPT-HS ngày 28 tháng 3 năm 2023 đối với bị cáo Nguyễn Văn T và đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 04/2023/HSST ngày 21/02/2023 của Tòa án nhân dân thị xã SP, tỉnh Lào Cai.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Văn T - Sinh ngày 08 tháng 10 năm 1983, tại huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam.

ĐKKHKT: Tổ 05, phường HR, thị xã SP, tỉnh Lào Cai.

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không;

Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 12/12.

Tiền án, tiền sự, nhân thân: Không.

Con ông Nguyễn Văn T1 và con bà Nguyễn Thị T2.

Bị cáo có vợ là Phùng Thị L và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2005, con nhỏ nhất sinh năm 2017.

2. Nguyễn Thị T2 - Sinh ngày 03 tháng 10 năm 1962, tại huyện HH, tỉnh Nam Định.

Nơi ĐKKHKT: Tổ 04, phường PSP, thị xã SP, tỉnh Lào Cai.

Nơi ở: Tổ 05, phường HR, thị xã SP, tỉnh Lào Cai.

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Thiên chúa;

Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: 1/10

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 17 tháng 10 năm 1994 bị Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xử phạt 5 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất nổ”.

S

Bị cáo có chồng là Nguyễn Văn T1 và có 02 con, con lớn nhất sinh 1983, con nhỏ nhất sinh năm 1985.

3. Nguyễn Văn T1 - Sinh ngày 10 tháng 5 năm 1959, tại huyện ML, tỉnh Nam Định.

Nơi ĐKHKTT: Tổ 04, phường PSP, thị xã SP, tỉnh Lào Cai.

Nơi ở: Tổ 05, phường HR, thị xã SP, tỉnh Lào Cai.

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không;

Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 6/10.

Tiền án, tiền sự, nhân thân: Không.

Con ông Nguyễn Văn C (Đã chết) và con bà Nguyễn Thị N.

Bị cáo có vợ là Nguyễn Thị T2 và có 02 con, con lớn nhất sinh năm 1983, con nhỏ nhất sinh năm 1985.

4. Nguyễn Văn T3 - Sinh ngày 04 tháng 01 năm 1985, tại thị xã SP, tỉnh Lào Cai.

Nơi ĐKHKTT: Tổ 04, phường PSP, thị xã SP, tỉnh Lào Cai.

Nơi ở: Tổ 05, phường HR, thị xã SP, tỉnh Lào Cai.

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không;

Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 12/12.

Tiền án, tiền sự, nhân thân: Không.

Con ông Nguyễn Văn T1 và con bà Nguyễn Thị T2.

Bị cáo có vợ là Phạm Thị H, chưa có con.

5. Nguyễn Văn T4 - Sinh ngày 01 tháng 01 năm 1978, tại huyện ML, tỉnh Nam Định.

Nơi ĐKHKTT: Tổ 03, phường PSP, thị xã SP, tỉnh Lào Cai.

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không;

Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 6/12.

Tiền án, tiền sự, nhân thân: Không.

Con ông Nguyễn Văn C (Đã chết) và con bà Nguyễn Thị N.

Bị cáo có vợ là chị Lục Thị L và có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2007, con nhỏ nhất sinh năm 2012.

6. Nguyễn Xuân Tr - Sinh ngày 24 tháng 5 năm 1974, tại huyện HH, tỉnh Nam Định.

Nơi ĐKHKTT: Tổ 04, phường PSP, thị xã SP, tỉnh Lào Cai.

Nơi ở: Xã Hải Lý, huyện HH, tỉnh Nam Định.

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không;

Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 5/12.

Tiền án, tiền sự, nhân thân: Không.

Con ông Nguyễn Đức V (đã chết) và con bà Vũ Thị S.

Bị cáo có vợ là Nguyễn Thị T0 (Đã ly hôn) và chưa có con.

7. Nguyễn Văn Q - Sinh ngày 03 tháng 5 năm 1962, tại huyện ML, tỉnh Nam Định.

Nơi ĐKKHKT: Tổ 03, phường PSP, thị xã SP, tỉnh Lào Cai.

Nơi ở: Tổ 01, phường OQH, thị xã SP, tỉnh Lào Cai.

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không;

Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 7/10.

Tiền án, tiền sự, nhân thân: Không.

Con ông Nguyễn Văn C (Đã chết) và con bà Nguyễn Thị N.

Bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Đ (Đã ly hôn) và có 02 con, con lớn nhất sinh năm 1988, con nhỏ nhất sinh năm 1989.

8. Quang Văn Th - Sinh ngày 06 tháng 12 năm 1983, tại huyện ML, thành phố Hà Nội.

Nơi ĐKKHKT: Tổ 03, phường PSP, thị xã SP, tỉnh Lào Cai.

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không;

Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 9/12.

Tiền án, tiền sự, nhân thân: Không.

Con ông Quang Văn Th1 và con bà Nguyễn Thị B.

Bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Đ1 và có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2006, con nhỏ nhất sinh năm 2008.

9. Nguyễn Mạnh H - Sinh ngày 12 tháng 10 năm 2005, tại huyện BL, tỉnh Hà Nam.

ĐKKHKT: Tổ 05, phường HR, thị xã SP, tỉnh Lào Cai.

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không;

Nghề nghiệp: Học sinh; Trình độ văn hóa: 12/12

Tiền án, tiền sự, nhân thân: Không.

Con ông Nguyễn Văn T và con bà Phùng Thị L.

Vợ con: Chưa có.

10. Nguyễn Thị Đ4 - Sinh ngày 20 tháng 5 năm 1967, tại huyện ML, tỉnh Nam Định.

Nơi ĐKKHKT: Tổ 03, phường PSP, thị xã SP, tỉnh Lào Cai.

Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Dân tộc: Kinh;

Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 6/12.

Tiền án, tiền sự, nhân thân: Không.

Con ông Nguyễn Văn C (Đã chết) và con bà Nguyễn Thị N.

Bị cáo có chồng là Quang Văn Th và có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2006, con nhỏ nhất sinh năm 2008.

11. Phùng Thị L - Sinh ngày 10 tháng 7 năm 1984, tại huyện BV, thành phố Hà Nội.

Nơi ĐKKHKT: Tổ 05, phường HR, thị xã SP, tỉnh Lào Cai.

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không;

Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 6/12.

Tiền án, tiền sự, nhân thân: Không.

Con ông Phùng Văn Đ2 và con bà Phùng Thị P1.

Bị cáo có chồng là Nguyễn Văn T và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2005, con nhỏ nhất sinh năm 2017.

12. Bùi Thiện Đ3 - Sinh ngày 01 tháng 8 năm 1977, tại huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định.

ĐKKHKT: Tổ 04, phường PSP, thị xã SP, tỉnh Lào Cai

Chỗ ở: Thôn ST, xã HN, huyện NH, tỉnh Nam Định.

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không;

Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 9/12.

Tiền án, tiền sự, nhân thân: Không.

Là Đảng viên đảng cộng sản Việt Nam (Đã bị khai trừ).

Con ông Bùi Văn Đ4 và con bà Nguyễn Thị T5.

Bị cáo có vợ là Ngô Thị Ng và có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2000, con nhỏ nhất sinh năm 2003.

Các bị cáo đều được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. (Đều có mặt tại phiên tòa).

- Những người liên quan đến kháng cáo:

* Người đại diện cho bị cáo Nguyễn Mạnh H: Bà Lò Thúy H5 - Bí thư đoàn thanh niên phường PSP, thị xã SP, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

* Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Mạnh H: Bà Nông Thị Thúy H6 - Trợ giúp viên pháp lý trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lào Cai. Có mặt.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân thị xã SP, tỉnh Lào Cai. Địa chỉ: Số 091 đường XV, phường SP, thị xã SP, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tô Ngọc L - Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã SP.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Tiến D - Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã SP. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã SP. Địa chỉ: Số 05 đường LHP, phường SP, thị xã SP, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Cồ Huy Kh - Giám đốc. Có mặt.

- Công ty trách nhiệm hữu hạn dịch vụ cáp treo Fansipan SP.

Địa chỉ: Số nhà 89B, đường Nguyễn Chí TH, phường PSP, thị xã SP, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Chu H5 - Phó ban thanh tra-Sun Group vùng Tây Bắc. Vắng mặt.

*** Các bị cáo không có kháng cáo, kháng nghị:** Phạm Thị Ng, Phạm Thị H6, Vũ Văn C1, Bùi Thị Th1, Đoàn Văn Tr1, Nguyễn Thị Th3, Hù A H7.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm vụ án có nội dung như sau: Từ ngày 21 đến ngày 23 tháng 12 năm 2021, Ủy ban nhân dân thị xã SP tổ chức cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ gia đình bị cáo Nguyễn Thị T2 và các hộ dân có liên quan tại tổ 04, phường PSP, thị xã SP, tỉnh Lào Cai. Quá trình thực thi công vụ, tổ chức cưỡng chế gặp phải sự ngăn cản, chống đối của các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị T2, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn T3, Nguyễn Văn T4, Nguyễn Xuân Tr, Nguyễn Văn Q, Phùng Thị L, Nguyễn Thị Đ4, Quang Văn Th, Phạm Thị Ng, Phạm Thị H6, Nguyễn Mạnh H, Bùi Thiện Đ3, Vũ Văn C1, Bùi Thị Th1, Đoàn Văn Tr1, Hà A H7 và Nguyễn Thị Th3 cụ thể như sau:

Sau khi gia đình bị cáo Nguyễn Thị T2 nhận được quyết định số: 894/QĐ-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2021, về việc thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện công trình và quyết định số: 1886/QĐ-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2021, về việc cưỡng chế thu hồi đất của gia đình và biết việc cưỡng chế thu hồi đất của một số hộ dân khác trong cùng khu vực cưỡng chế. Bị cáo Nguyễn Văn T (Con của Nguyễn Thị T2) bảo vợ là bị cáo Phùng Thị L gọi điện thoại thông báo cho Nguyễn Xuân Tr và Nguyễn Văn Q biết nội dung của quyết định cưỡng chế để có mặt vào sáng ngày 21 tháng 12 năm 2021.

Ngày 20 tháng 12 năm 2021, bị cáo Nguyễn Văn T1, Nguyễn Thị T2 và Nguyễn Văn T gọi con cháu, anh em họ hàng trong gia đình đến nhà mình tại tổ 04, phường PSP, thị xã SP, gồm bị cáo Nguyễn Văn T3 là con trai của bị cáo Nguyễn Thị T2 và Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn T4, Phùng Thị L cùng nhau ăn cơm tại nhà bị cáo Nguyễn Thị T2 và Nguyễn Văn T1. Tại đây, bị cáo Nguyễn Văn T nói: *“Ngày mai lực lượng chức năng đến để thoả thuận bồi thường, mọi người xem ý kiến như thế nào?”*, bị cáo Nguyễn Văn T1 nói: *“Tình hình giá cả người ta đưa ra như vậy các con tính xem thế nào?”* thì Nguyễn Văn T trả lời: *“Giá cả như thế là không hợp lý, để đàm phán lại xem”*. Gia đình bị cáo Nguyễn Thị T2 thống nhất nếu không được bồi thường giá theo thoả thuận thì sẽ chống đối để giữ đất, tài sản. Bị cáo Nguyễn Văn T nói với bố mẹ mình việc ngăn cản lực lượng cưỡng chế để Nguyễn Văn T lo. Nếu cơ quan chức năng thoả thuận bồi thường thì Nguyễn Văn T và Nguyễn Thị T2 sẽ đứng ra thoả thuận. Sau đó, Nguyễn Văn T bảo Nguyễn Thị T2 nhờ Phạm Thị H6, Phạm Thị Ng đến quay phim, chụp ảnh, ghi nhận lại tài sản đồ đạc trong gia đình khi lực lượng chức năng tiến hành cưỡng chế thì quay phim, chụp ảnh gửi cho bị cáo Nguyễn Thị T2. Nguyễn Thị T2 gọi điện thoại nhờ Nguyễn Thị Đ4 là em gái cùng chồng là Quang Văn Th và con gái là Quang Thị H8 đến giúp đỡ.

Trước ngày 21 tháng 12 năm 2021, Nguyễn Văn T3 và Nguyễn Văn T1 đã nhặt gạch đá chuyển lên tầng thượng. Nguyễn Văn T3 làm bàn chông để tại vườn sau nhà. Nguyễn Thị T2 mua 30 can xăng loại can 20 lít; 07 kiện ga mini mỗi kiện có 10 dây, mỗi dây có 04 bình ga mini; 06 vỉ trứng và nhiều túi nilon đựng chất bẩn mục đích để chống đối, ngăn cản lực lượng cưỡng chế. Nguyễn

Thị T2 thông báo cho các hộ dân biết về nội dung cưỡng chế, trong đó có gia đình Bùi Thiện Đ3 nên Bùi Thiện Đ3 cùng vợ là Ngô Thị Ng1 gọi điện thoại cho anh em họ hàng gồm Vũ Văn C1, Bùi Thị Th1, Đoàn Văn Tr1 và Nguyễn Thị Th3 đến hỗ trợ để chống đối lực lượng cưỡng chế. Nguyễn Thị T2 thông báo cho Hù Thị H9 là người thuê nhà bị cáo có mặt và giữ tài sản thì sáng ngày 21 tháng 12 năm 2021, Hù Thị H9 cùng với bố là Hù A Ch4, chồng là Lai Văn Th7 và em là Hù A H7 có mặt tại khu vực cưỡng chế nhà, đất của bị cáo Nguyễn Thị T2.

Sáng ngày 21 tháng 12 năm 2021, khi lực lượng cưỡng chế thực hiện nhiệm vụ cưỡng chế nhà và đất của gia đình Nguyễn Thị T2 cùng các hộ dân khác. Lúc này, những người trong nhà gồm có Nguyễn Thị T2, Nguyễn Thị Đ4, Phùng Thị L đã cùng nhau chặt xăng cho vào chai bia thủy tinh lấy lõi chặn bịt nắp để tạo thành bom xăng và chặt xăng vào túi nilon; nhiều bình ga mini; Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T3, Nguyễn Xuân Tr cuốn lõi chặn tấm xăng. Nguyễn Thị T2 lấy chất bẩn từ nhà vệ sinh cho vào túi nilon, nhặt thêm gạch đá vận chuyển lên các vị trí trong nhà. Nguyễn Văn T phân công Nguyễn Văn T3 và Nguyễn Xuân Tr chuẩn bị bình ga mini cuốn giẻ tấm xăng và bàn chông, Nguyễn Thị T2, Nguyễn Văn T1 chuẩn bị loa và micro phát trong quá trình cưỡng chế, Nguyễn Xuân Tr và Nguyễn Văn T1 cắt thanh thép tạo thành đạn súng cao su để bắn, đồng thời T phân công vị trí cho từng người ở các vị trí khác nhau ngăn cản lực lượng cưỡng chế, cụ thể: Nguyễn Văn T3 cùng Nguyễn Văn Q, Nguyễn Mạnh H và Quang Thị Hiền ở tại vị trí ngôi nhà tôn hai tầng, Nguyễn Văn T cùng Nguyễn Xuân Tr ở quán café Vọng cảnh lầu, Nguyễn Văn T4 ở vị trí vườn sau của nhà. Khi lực lượng cưỡng chế đọc quyết định cưỡng chế và phát loa thông báo vận động những người không liên quan ra khỏi khu vực cưỡng chế, những người trên không chấp hành, không ra khỏi khu vực cưỡng chế. Lực lượng cưỡng chế cùng 02 máy xúc đi vào để tháo dỡ nhà của gia đình Nguyễn Thị T2 thì bị cáo Nguyễn Văn T là người hô ném, sau đó những người có mặt trong nhà Nguyễn Thị T2, gồm Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T3, Nguyễn Văn T4, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Xuân Tr, Quang Văn Th, Quang Thị Hiền, Nguyễn Mạnh H đã sử dụng gạch đá, bom xăng, bình ga mini, chất bẩn ném về phía lực lượng cưỡng chế và 02 máy xúc.

Cùng lúc đó, Bùi Thiện Đ3 cùng Vũ Văn C1, Bùi Thị Th1, Đoàn Văn Tr1, Nguyễn Thị Th3 đi từ nhà mình sang nhà Nguyễn Thị T2 hỗ trợ. Bùi Thiện Đ3 đứng tại nhà xây 04 tầng của Nguyễn Thị T2; Vũ Văn C1, Bùi Thị Th1, Đoàn Văn Tr1, Nguyễn Thị Th3 đứng tại tầng 2 nhà tôn 2 tầng làm quán lẩu cay Tứ Xuyên cùng Hù A H7 sử dụng gạch đá, bom xăng, bình ga mini, chất bẩn ném về phía lực lượng cưỡng chế và 02 máy xúc khiến máy xúc bị cháy nhiều lần và phải lùi ra, lực lượng cưỡng chế không thực hiện được nhiệm vụ. Quá trình tổ chức thực hiện cưỡng chế, Phạm Thị Ng và Phạm Thị H6 đã quay phim, chụp ảnh và vận chuyển gạch đá, Phạm Thị Ng còn thực hiện hành vi ném đá về

phía lực lượng cưỡng chế; Nguyễn Mạnh H và Quang Thị Hiền vận chuyển gạch đá và xăng; Nguyễn Thị Đ4 và Phùng Thị L chất xăng vào bình. Nguyễn Văn T đưa 04 bộ đàm cho các bị cáo Nguyễn Văn T3, Nguyễn Văn T4, Nguyễn Xuân Tr mỗi người một cái để liên lạc thông tin với nhau.

Đến trưa ngày 21 tháng 12 năm 2021 thì Hù Thị H9, Hù A Ch4, Lai Văn Th7, Hoàng Bạch L, Lìu An N, Hạng A S1, Hạng A S2, Thào A Th8, Hạng A T3, Má A Kh và Hù A H7 ra khỏi khu vực cưỡng chế. Đến tối ngày 21 tháng 12 năm 2021, Phạm Thị Ng và Phạm Thị H6 ra khỏi khu vực cưỡng chế;

Sáng ngày 22 tháng 12 năm 2021, Bùi Thiện Đ3 cùng với Vũ Văn C1, Bùi Thị Th1, Đoàn Văn Tr1, Nguyễn Thị Th3 ra khỏi khu vực cưỡng chế. Đến trưa cùng ngày, Nguyễn Thị T2, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn T3, Nguyễn Văn Q và một số người khác ra khỏi khu vực cưỡng chế. Còn Nguyễn Văn T, Nguyễn Xuân Tr, Nguyễn Văn T4 tiếp tục ở lại chống đối, đến sáng ngày 23 tháng 12 năm 2021 thì ra khỏi khu vực cưỡng chế.

Do sự chống đối ngăn cản quyết liệt của các bị cáo nên Ban thực hiện cưỡng chế thu hồi đất của Ủy ban nhân dân thị xã SP gặp rất nhiều khó khăn trong việc thực hiện nhiệm vụ.

Vì vậy các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị T2, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn T3, Nguyễn Văn T4, Nguyễn Xuân Tr, Nguyễn Văn Q, Phùng Thị L, Nguyễn Thị Đ4, Quang Văn Th, Phạm Thị Ng, Phạm Thị H6, Nguyễn Mạnh H, Bùi Thiện Đ3, Vũ Văn C1, Bùi Thị Th1, Đoàn Văn Tr1, Hù A H7 và Nguyễn Thị Th3 bị VKSND thị xã SP truy tố về tội “Chống người thi hành công vụ” theo điểm a khoản 2 Điều 330 Bộ luật hình sự.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 04/2023/HSST ngày 21/02/2023 của Tòa án nhân dân thị xã SP, tỉnh Lào Cai đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị T2, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn T3, Nguyễn Văn T4, Nguyễn Xuân Tr, Nguyễn Văn Q, Phùng Thị L, Nguyễn Thị Đ4, Quang Văn Th, Phạm Thị Ng, Phạm Thị H6, Nguyễn Mạnh H, Bùi Thiện Đ3, Vũ Văn C1, Bùi Thị Th1, Đoàn Văn Tr1, Nguyễn Thị Th3 và Hù A H7 phạm tội **“Chống người thi hành công vụ”**.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 03 năm 03 tháng tù; Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T2 03 năm tù; Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T1 02 năm 03 tháng tù; Xử phạt bị cáo Bùi Thiện Đ3 02 năm 03 tháng tù; Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T3 03 năm tù; Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T4 02 năm 09 tháng tù; Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân Tr 02 năm 09 tháng tù; Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q 02 năm 09 tháng tù; Xử phạt bị cáo Phùng Thị L 02 năm 03 tháng tù; Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Đ4 02 năm 03 tháng tù; Xử phạt bị cáo Quang Văn Th 02 năm 03 tháng tù. Xử phạt bị cáo Nguyễn Mạnh H 01 năm 03 tháng tù cho hưởng án treo.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên phạt bị cáo Vũ Văn C1 02 năm tù cho hưởng án treo; Xử phạt bị cáo Bùi Thị Th1 02 năm tù cho hưởng án treo; Xử phạt bị cáo Đoàn Văn Tr1 02 năm tù cho hưởng án treo; Xử phạt bị cáo Nguyễn

Thị Th3 02 năm tù cho hưởng án treo; Xử phạt bị cáo Phạm Thị Ng 02 năm tù cho hưởng án treo; Xử phạt bị cáo Phạm Thị H6 02 năm tù cho hưởng án treo; Xử phạt bị cáo Hù A H7 02 năm tù cho hưởng án treo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị T2, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn T3, Nguyễn Văn T4, Nguyễn Xuân Tr, Nguyễn Văn Q, Phùng Thị L, Nguyễn Thị Đ4, Quang Văn Th, Bùi Thiện Đ3 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo; Bị cáo Nguyễn Mạnh H kháng cáo xin miễn trách nhiệm hình sự.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

Các cáo đã thành khẩn, khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã nhận định. Các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị T2, Nguyễn Văn T3, Nguyễn Văn T4, Nguyễn Xuân Tr giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo. Các bị cáo Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn Q, Phùng Thị L, Nguyễn Thị Đ4, Quang Văn Th, Bùi Thiện Đ3 thay đổi kháng cáo xin hưởng án treo. Bị cáo Nguyễn Mạnh H giữ nguyên nội dung kháng cáo xin miễn trách nhiệm hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai phát biểu ý kiến: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị T2, Nguyễn Văn T3, Nguyễn Văn T4, Nguyễn Xuân Tr, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 04/2023/HSST ngày 21/02/2023 của Tòa án nhân dân thị xã SP, tỉnh Lào Cai đối với các bị cáo.

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự: Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn Q, Phùng Thị L, Nguyễn Thị Đ4, Quang Văn Th, Bùi Thiện Đ3, sửa bản án hình sự sơ thẩm số 04/2023/HSST ngày 21/02/2023 của Tòa án nhân dân thị xã SP, tỉnh Lào Cai theo hướng giữ nguyên mức hình phạt đối với các bị cáo nhưng cho hưởng án treo.

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm a khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự: Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Mạnh H, sửa bản án hình sự sơ thẩm số 04/2023/HSST ngày 21/02/2023 của Tòa án nhân dân thị xã SP, tỉnh Lào Cai: Miễn trách nhiệm hình sự và áp dụng biện pháp khiển trách đối với bị cáo Nguyễn Mạnh H.

Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Mạnh H: Nhất trí với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, đề nghị Hội đồng xét xử: Sửa án sơ thẩm, miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo Nguyễn Mạnh H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về Hành vi phạm tội của bị cáo: Do không thực hiện việc giao đất bị Th hồi theo quyết định Th hồi đất của UBND huyện SP (nay là UBND thị xã SP) nên UBND thị xã SP đã ra quyết định cưỡng chế và vào các ngày 21 đến ngày 23 tháng 12 năm 2021, UBND thị xã SP tổ chức cưỡng chế Th hồi đất đối với hộ gia đình bị cáo Nguyễn Thị T2 và các hộ dân có liên quan tại tổ 04, phường PSP, thị xã SP, tỉnh Lào Cai. Quá trình thực thi công vụ, tổ chức cưỡng chế, các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị T2, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn T3, Nguyễn Văn T4, Nguyễn Xuân Tr, Nguyễn Văn Q, Phùng Thị L, Nguyễn Thị Đ4, Quang Văn Th, Phạm Thị Ng, Phạm Thị H6, Nguyễn Mạnh H, Bùi Thiện Đ3, Vũ Văn C1, Bùi Thị Th1, Đoàn Văn Tr1, Hù A H7 và Nguyễn Thị Th3 đã có hành vi chống đối, ngăn cản việc cưỡng chế của đoàn làm nhiệm vụ cưỡng chế.

Do sự chống đối ngăn cản quyết liệt của các bị cáo nên Ban thực hiện cưỡng chế Th hồi đất của Ủy ban nhân dân thị xã SP gặp rất nhiều khó khăn trong việc thực hiện nhiệm vụ.

Vì vậy, các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị T2, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn T3, Nguyễn Văn T4, Nguyễn Xuân Tr, Nguyễn Văn Q, Phùng Thị L, Nguyễn Thị Đ4, Quang Văn Th, Nguyễn Mạnh H, Bùi Thiện Đ3 đã bị Tòa án nhân dân thị xã SP xét xử về tội “Chống người thi hành công vụ” và xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 03 năm 03 tháng tù; Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T2 03 năm tù; Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T1 02 năm 03 tháng tù; Xử phạt bị cáo Bùi Thiện Đ3 02 năm 03 tháng tù; Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T3 03 năm tù; Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T4 02 năm 09 tháng tù; Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân Tr 02 năm 09 tháng tù; Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q 02 năm 09 tháng tù; Xử phạt bị cáo Phùng Thị L 02 năm 03 tháng tù; Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Đ4 02 năm 03 tháng tù; Xử phạt bị cáo Quang Văn Th 02 năm 03 tháng tù; Xử phạt bị cáo Nguyễn Mạnh H 01 năm 03 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 năm 06 tháng, theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 230 Bộ luật hình sự.

[2] Xét kháng cáo của các bị cáo:

[2.1] Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị T2, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn T3, Nguyễn Văn T4, Nguyễn Xuân Tr, Nguyễn Văn Q, Phùng Thị L, Nguyễn Thị Đ4, Quang Văn Th, Nguyễn Mạnh H, Bùi Thiện Đ3 đều là người có năng lực trách nhiệm hình sự, hiểu biết pháp luật, nhưng do không đồng tình với việc UBND thị xã SP thu hồi đất nên khi bị cưỡng chế thu hồi đất, các bị cáo đã bất chấp pháp luật thực hiện hành vi chống đối ban cưỡng chế thu hồi đất. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến các hoạt động quản lý của cơ quan nhà nước, của cán bộ công chức được giao nhiệm vụ công vụ được pháp luật bảo vệ. Hành vi đó gây mất trật tự, trị an, an toàn xã hội tại địa phương. Vì vậy các bị cáo bị cấp sơ thẩm xét xử về tội “Chống người thi hành công vụ” với tình tiết định khung “Có tổ chức” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 330 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng quy định

của pháp luật. Mức án mà cấp sơ thẩm đã tuyên phạt bị cáo Nguyễn Văn T 03 năm 03 tháng tù; bị cáo Nguyễn Thị T2 03 năm tù; bị cáo Nguyễn Văn T1 02 năm 03 tháng tù; bị cáo Bùi Thiện Đ3 02 năm 03 tháng tù; bị cáo Nguyễn Văn T3 03 năm tù; bị cáo Nguyễn Văn T4 02 năm 09 tháng tù; bị cáo Nguyễn Xuân Tr 02 năm 09 tháng tù; bị cáo Nguyễn Văn Q 02 năm 09 tháng tù; bị cáo Phùng Thị L 02 năm 03 tháng tù; bị cáo Nguyễn Thị Đ4 02 năm 03 tháng tù; bị cáo Quang Văn Th 02 năm 03 tháng tù và bị cáo Nguyễn Mạnh H 01 năm 03 tháng tù cho hưởng án treo là phù hợp với các quy định của pháp luật, đã xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo.

[2.2] Đây là vụ án có tổ chức, bị cáo Nguyễn Văn T là người tổ chức, đứng ra phân công phân nhiệm vụ cho các bị cáo khác, trực tiếp thực hiện hành vi chống lại ban cưỡng chế vì vậy bị cáo T là người chịu trách nhiệm chính trong vụ án. Bị cáo Nguyễn Thị T2 là người thực hành rất tích cực, có nhân thân xấu; các bị cáo Nguyễn Văn T3, Nguyễn Văn T4, Nguyễn Xuân Tr là người thực hành rất tích cực. Các bị cáo kháng cáo nhưng không đưa ra được tình tiết gì mới, đáng kể nên HĐXX không có căn cứ để xem xét giảm nhẹ hình phạt cũng như cho các bị cáo được hưởng án treo.

[2.3] Đối với các bị cáo Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn Q, Phùng Thị L, Nguyễn Thị Đ4, Quang Văn Th, Bùi Thiện Đ3 khi được các bị cáo khác lôi kéo, rủ rê đã thực hiện hành vi chống đối đoàn cưỡng chế theo sự phân công nên phải chịu trách nhiệm với vai trò là người thực hành. Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo kháng cáo và đã cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới, cụ thể: Bị cáo Nguyễn Văn T1 có nhiều đóng góp cho hoạt động tại địa phương được chính quyền địa phương công nhận, bị cáo có vợ, con là bị cáo phải chấp hành hình phạt tù giam trong vụ án này, bị cáo là người có bệnh tật, sau khi bị Th hỏi đất hiện chưa có điều kiện tạo dựng nơi ở mới nên có nhiều khó khăn; Bị cáo Nguyễn Văn Q và Quang Văn Th đã có hành vi tố giác tội phạm; Bị cáo Bùi Thiện Đ3 có hành động cứu giúp kịp thời cháu nhỏ bị ngộ độc thuốc sâu; các bị cáo Phùng Thị L, Nguyễn Thị Đ4 quá trình sinh sống tại địa phương đã tích cực tham gia và có nhiều đóng góp trong các hoạt động xây dựng nông thôn mới được chính quyền địa phương công nhận, các bị cáo hiện đang phải nuôi con nhỏ, bị cáo Phùng Thị L có chồng là bị cáo đã bị phạt tù giam trong vụ án này. Đây là các tình tiết mới cần được xem xét áp dụng thêm cho các bị cáo khi quyết định hình phạt.

Với các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới mà các bị cáo đã cung cấp cho thấy các bị cáo đã thực sự có sự ăn năn hối cải, quyết tâm sửa chữa những sai phạm của mình nên HĐXX xét thấy không cần thiết phải bắt buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù mà chỉ cần với mức hình phạt mà cấp sơ thẩm đã tuyên nhưng cho các bị cáo được hưởng án treo, ấn định một thời gian thử thách theo quy định của pháp luật cũng đủ để giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành công dân tốt có ích cho xã hội cũng thể hiện được tính nghiêm minh của

pháp luật, đồng thời cũng cho thấy tính khoan hồng của nhà nước đối với người phạm tội đã ăn năn hối cải sửa chữa những khuyết điểm, sai phạm của mình.

[2.4] Đối với bị cáo Nguyễn Mạnh H, thực hiện hành vi phạm tội là do thấy gia đình, bố mẹ, ông bà của bị cáo đã thực hiện việc chống đối, do là người dưới 18 tuổi, thiếu hiểu biết và là con, cháu nên bị cáo đã tham gia cùng với gia đình mà không biết hết được hậu quả của việc mình đã làm. Quá trình thực hiện hành vi, bị cáo tham gia với vai trò giúp sức cho bố mẹ, ông bà (Đều là các bị cáo trong vụ án) và không đáng kể. Bị cáo kháng cáo xin miễn trách nhiệm hình sự, tại cấp phúc thẩm bị cáo đã xuất trình chứng cứ mới là thành tích học tập của bị cáo trong nhiều năm là học sinh tiên tiến, bị cáo tham dự kỳ thi tiếng anh IOE và đạt giải Khuyến khích cấp tỉnh; hiện tại bị cáo đang học lớp 12 và có nguyện vọng được tiếp tục học tại một trường đại học. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm v khoản 1 Điều 51 BLHS nên cần áp dụng thêm cho bị cáo. Xét thấy: Với hành vi mà bị cáo đã thực hiện, căn cứ vào các quy định tại các Điều 91, 92, 93 Bộ luật hình sự, thấy có đủ căn cứ xem xét Miễn trách nhiệm hình sự và áp dụng biện pháp Khiển trách đối với bị cáo để tạo điều kiện cho bị cáo có cơ hội được sửa chữa những sai lầm và thực hiện ước muốn của mình.

Từ những phân tích trên, xét thấy kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo của các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị T2, Nguyễn Văn T3, Nguyễn Văn T4, Nguyễn Xuân Tr, là không có căn cứ nên không được chấp nhận. Kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn Q, Phùng Thị L, Nguyễn Thị Đ4, Quang Văn Th, Bùi Thiện Đ3, kháng cáo xin miễn trách nhiệm hình sự của bị cáo Nguyễn Mạnh H là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3] Về án phí: Các bị cáo kháng cáo nhưng không được chấp nhận phải chịu án phí hình sự phúc thẩm, các bị cáo kháng cáo được chấp nhận không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị T2, Nguyễn Văn T3, Nguyễn Văn T4, Nguyễn Xuân Tr, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 04/2023/HS-ST ngày 21/02/2023 của Tòa án nhân dân thị xã SP, tỉnh Lào Cai về hình phạt đối với các bị cáo như sau:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị T2, Nguyễn Văn T3, Nguyễn Văn T4, Nguyễn Xuân Tr phạm tội Chống người thi hành công vụ.

* Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 330; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù, thời gian chấp hành án tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T2 03 (ba) năm tù, thời gian chấp hành án tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

* Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 330; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự:

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T3 03 (ba) năm tù, thời gian chấp hành án tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T4 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù, thời gian chấp hành án tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân Tr 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù, thời gian chấp hành án tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

2. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự: Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn Q, Bùi Thiện Đ3, Quang Văn Th, Phùng Thị L và Nguyễn Thị Đ4, sửa bản án hình sự sơ thẩm số 04/2023/HSST ngày 21/02/2023 của Tòa án nhân dân thị xã SP, tỉnh Lào Cai về hình phạt đối với các bị cáo như sau:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn Q, Bùi Thiện Đ3, Quang Văn Th, Phùng Thị L và Nguyễn Thị Đ4 phạm tội Chống người thi hành công vụ.

* Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 330; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự:

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T1 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm. Giao bị cáo Nguyễn Văn T1 cho Ủy ban nhân dân phường HR thị xã SP, tỉnh Lào Cai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Xử phạt bị cáo Phùng Thị L 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm. Giao bị cáo Phùng Thị L cho Ủy ban nhân dân phường HR thị xã SP, tỉnh Lào Cai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Đ4 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm. Giao bị cáo Nguyễn Thị Đ4 cho Ủy ban nhân dân phường PSP, thị xã SP, tỉnh Lào Cai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

* Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 330; điểm s, u khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự:

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (năm) năm, tính từ ngày tuyên án phúc

thẩm. Giao bị cáo Nguyễn Văn Q cho Ủy ban nhân dân phường OQH, thị xã SP, tỉnh Lào Cai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Xử phạt bị cáo Bùi Thiện Đ3 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm. Giao bị cáo Bùi Thiện Đ3 cho Ủy ban nhân dân xã Hoàng Nam, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Xử phạt bị cáo Quang Văn Th 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm. Giao bị cáo Quang Văn Th cho Ủy ban nhân dân phường PSP, thị xã SP, tỉnh Lào Cai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Tr hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm a khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự: Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Mạnh H, sửa bản án hình sự sơ thẩm số 04/2023/HS-ST ngày 21/02/2023 của Tòa án nhân dân thị xã SP, tỉnh Lào Cai đối với bị cáo như sau:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 330; điểm s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; các Điều 91, 92, 93 Bộ luật hình sự: Miễn trách nhiệm hình sự và áp dụng biện pháp Khiển trách đối với bị cáo Nguyễn Mạnh H, thời gian thực hiện là 05 tháng, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

4. Về án phí phúc thẩm: Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ của Quốc Hội: Buộc các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị T2, Nguyễn Văn T3, Nguyễn Văn T4, Nguyễn Xuân Tr, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự phúc thẩm. Các bị cáo Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn Q, Bùi Thiện Đ3, Quang Văn Th, Phùng Thị L, Nguyễn Thị Đ4, Nguyễn Mạnh H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

5. Các quyết định khác của án sơ thẩm về tội danh, hình phạt đối với các bị cáo khác, về xử lý vật chứng vụ án, án phí sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lào Cai;
- Sở Tư pháp;
- Phòng hồ sơ CA tỉnh Lào Cai;
- CQTHAHS CA TX. SP;
- CQĐT CA TX. SP;
- TAND TX. SP;
- VKSND TX. SP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THADS TX. SP;
- Các UBND nơi bị cáo hưởng án treo cư trú;
- Bị cáo; Người bào chữa; Người đại diện;
- Người QLNVLQ;
- Lưu HS.

Vũ Minh Quán